TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2024
Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỹ

Ông Ngô Kim Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 4/9/186 đường V, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1989; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09-4-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H mải chơi, không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con và không cùng chị gánh vác kinh tế gia đình. Chị đã nhiều lần nói chuyện và nhờ hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhưng anh H không thay đổi. Chị và con đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống từ cuối năm 2014. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được nên xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hữu M, sinh ngày 22-02-2014 (giới tính: Nam). Nếu ly hôn Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị T trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Phạm Tiến H theo quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Tiến H không đến Toà án làm việc.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác nhận hôn nhân giữa Chị T và anh H có mâu thuẫn, hiện tại Chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống từ nhiều năm nay.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Hữu M ngày 09-11-2023 cháu Phạm Hữu M trình bày, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã đươc tống đạt các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không có biện pháp khắc phục hàn gắn mâu thuẫn. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao cháu, Phạm Hữu M, sinh ngày 22-02-2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Tiến H đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị T và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định ngày 09-4-2012 nên hôn nhân giữa Chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn Chị T và anh H chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng đối với anh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì chứng tỏ anh H không có nguyện vọng đoàn tụ. Nay Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn của vợ chồng Chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là cháu Phạm Hữu M ngày 22-02-2014, khi ly hôn Chị T có nguyện vọng được nuôi con, anh H không có quan điểm về việc nuôi con. Cháu M hiện đang ở cùng Chị T và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy để ổn định việc học tập, sinh hoạt và tâm lý của con khi bố mẹ ly hôn Hội đồng xét xử, xét thấy có căn cứ giao cháu

Phạm Hữu M cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét nguyện vọng của Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Hữu M, sinh ngày 22-02-2014 (giới tính: Nam). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T không yêu cầu anh Phạm Tiến H cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng Chị T đã nộp tại biên lai số 0001767 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị T và anh Phạm Tiến H có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã N, TP. Nam Định;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Trường